ĐẠI TỲ-LÔ-GIÁ-NA THÀNH PHẬT KINH SỚ
QUYỂN 9

Phẩm 2: NHẬP MẠN-ĐỒ-LA CỤ DUYÊN (Tiếp Theo)

Lại như Long vương kia
Vui khi cung kính lễ
Các chim bay bờ sông
Bao quanh xếp thành hàng.
Theo nghĩa "Tịch" ít có
Đem dứt trừ ba cõi
Ông nay được đồng kia
Điều tốt đẹp tác tịch.

Khi ấy, Bồ-tát đã đạt đến chỗ cùng tận của khổ hạnh, biết không có ý nghĩa lợi ích, nên thọ cháo sữa của người nữ chăn bò, sau đó xuống sông tắm rửa, tướng tốt đầy đủ, lúc ấy, cách đường Phật đi gần dần, có vô lượng chim sẻ xanh báo điềm lành.

Như trong kinh Bản Hạnh có nói rộng, chim này tên đúng là Tang-sa, hình dạng giống như chim sẻ xanh nhưng nhỏ hơn, phong tục ở Trung quốc người ta nói là chim Tiên Nhân, Bồ-tát tắm gội xong, nguồn tâm vắng lặng, suy nghĩ các pháp, thấy rõ con đường Đại Bồ-đề sinh tâm nương gởi, tự biết có thể dùng thế lực lớn phá hoại ba cõi, lúc ấy lại có vô lượng, vô biên điều tốt lành nổi lên ở thế gian, nay ông ở trong Bí mật tạng, lìa bỏ chín mươi lăm thứ ngoại đạo, các thứ khổ hạnh làm thần thức thân thể mệt nhọc, không có nghĩa lợi, ăn một bát cháo sữa chữ A, thêm lợi ích cho sức lực và mạng sống lâu, dùng nước Tịnh Pháp tắm gội thân kia, biết rõ đường lớn Tâm vương, sắp đến ngồi chỗ Đạo tràng của Tỳ-lô-giá-na, cho nên nói được vui giống như kia.

Giống như Bà-già-bà
Vui khi dưới cây Chúa
Nhờ dùng sức Từ tâm
Phá Vô lượng ma quân.

Theo các thứ hình loại
Khắp trời người thế gian
Nay ông được đồng kia
Điều tốt lành tác tịch.

Thế-tôn ngồi dưới cây Đạo tràng, khi hàng phục Thiên ma thành Chánh giác, tất cả thế gian, xuất thế gian, có các việc tốt lành, giống như Thiên Thọ Vương đến tháng mà Xuân nở hoa đầy đủ.

Xưa, khi hành đạo Bồ-tát, tất cả nguyện hiếm có đã được như ý, liền phổ hiện sắc thân, khắp trong thế gian khai hóa chúng sinh. Lại ở đây nói ma quân, trong bản Phạm âm đúng là Bác-ngật-sô, nghĩa là bè đảng vây cánh, nay dựa vào bản dịch xưa hội ý mà nói. Nay ông phát tâm Bồ-đề, phải biết đã được ngồi yên dưới Sa-la Thọ Vương nơi Phật giác ngộ, đem thần lực che chở của Như lai hàng phục khắp ma quân, nếu từ đây vững chắc không lay động, đến khi thấy tâm rõ đạo thì ngay khi vừa phát tâm liền thành Chánh giác, do Tam-muội Trừ cái chướng khắp hiện thân Mạn-đồ-la, vì thế nói được vui đồng với kia.

Như Thiện Thệ Đạo sư.
Trụ ở Ba-la-nại
Lúc mới chuyển vô thượng
Pháp vô thượng tốt lành.
Nương dựa chưa từng có
Thế gian, thời phần hết
Nay ông được đồng kia
Điều tốt lành tác tịch.

Thế-tôn vì mười nghĩa cho nên chuyển xe chánh pháp, như kinh Hoa Nghiêm... có nói rộng. Tiếng Phạm Bát-la-phạ-na Đỗ-phạ-la, nghĩa là nhiệm mầu hơn cả, nghĩa thù thắng, tức là bậc nhất ở thế gian, không có gì hơn nữa, do đó nói là tối vô thượng.

Lại nữa, Thế-tôn đã nói trong ba cõi, đều vì việc lớn nhân duyên, vì thế nói là tối vô thượng; tất cả thế gian xưa nay chưa từng nghe, cũng không thể chuyển, vì thế nói nương dựa chưa từng có. Bản Phạm nói đúng là kỳ hy (hiếm lạ), ở đây hội ý mà nói; tự vượt qua ba cõi, cũng giúp vô lượng chúng sinh trụ trong thân mé sau cùng, cho đến ý có sinh thô nặng, cũng khiến hết hẳn, nay ông cũng giống như thế, nếu sinh ở đây đợi được Trừ cái chướng Tam-muội nói năng Đà-la-ni, khi khởi thần thông tự tại, cũng có thể Xoay bánh xe pháp như Tỳ-lô-giá-na, vì thế nói được vui giống như kia.

Như kia làm lợi ích

Nghĩa tốt lành bậc nhất
Được phước lợi rất nhiều
Khen ngợi các Thánh chúng.
Nói khắp đấng cụ Đức
Mâu-ni Thích Sư Tử
Nay ông được đồng kia
Điều tốt lành tác tịch.

Bản Phạm nói Hệ-đa, Hán dịch là lợi ích, tiếp theo nói Ngật-lý-da, Hán dịch là Lợi, Ca-la-ninh, Hán dịch là nhiêu ích, tên gốc đều khác, người truyền đạt không dùng riêng, ví như khi đầu tiên thỉ tổ dựng lên nguồn gốc, tuy đồng trở về với ban đầu nhưng có khác chút ít. Câu đầu nói làm lợi ích, cũng là nghĩa giúp lợi ích, kết thành kệ khen ngợi Phật.

Câu tiếp theo nói nghĩa tốt lành bậc nhất, là kết thành kệ khen ngợi "Pháp". Hai câu tiếp theo nói về quả tốt đẹp thành tựu nhờ tu hành cúng dường, là tổng kết kệ khen ngợi "Tăng". Hai câu kế đến là kết thành tổng kết bản hạnh của Đức Phật Thích-ca Mâu-ni trong bảy bài kệ. Tóm lại, tất cả các công đức như thế, nay ông đã được đầy đủ. Thế-tôn khi nhập Niết-bàn và khi thành Chánh-Giác, không hai không khác, nếu y theo thế đế thì nói chúng sinh trong ba cõi hư không phước không còn, vì thế cho nên tối tăm mà không nói. Nhưng trong đây kết hợp Tam bảo và bản hạnh Như lai, tức nghĩa là Đại Niết-bàn.

Trong mười một bài kệ này đầy đủ vô lượng nghĩa, phải phân biệt rộng các kinh để nói, sợ chướng ngại nói nghĩa Mạn-đồ-la, nay nói sơ lược lời dạy bảo mà thôi.

Kệ Kim Trù (bản Phạm)

A nhưỡng nẵng, bát tra lan, phạ ta, a bã, nễ đan nhĩ nãi, tát đạ, phạ, xá la chỉ, muội, nễ dã, la chiết tốt đô, duệ, tha lộ yết tả, muội bổ la.

Này Phật tử! Đức Phật vì ông vén bỏ màng vô trí, giống như ở đời thầy thuốc giỏi khéo dùng thẻ vàng, phương pháp trị mắt là ở phương Tây, lấy vàng làm đũa, hai đầu tròn trơn giữa nhỏ, giống như hình cái chày, có thể dài chừng bốn, năm tấc, khi dùng lấy hai đầu xoa thuốc, mỗi khi dùng một đầu cạo trong một mắt, thẻ vàng Niết-bàn cũng như vậy, tâm mắt của tất cả chúng sinh, vốn có tánh tri kiến Phật, chỉ vì màng Vô trí che lấp, cho nên tướng thật các pháp không được hiện ra rõ ràng. Nếu khiến người vụng cứu chữa màng vảy, chẳng những không có hiệu quả, mà màng vảy kia lại còn che thêm, hoặc tổn thương tròng

mắt. Như lai đầy đủ phương tiện khéo dùng thẻ vàng thì không như thế, như người thợ khéo léo xoay vần cái rìu thì trừ được dơ bẩn, nhưng ở chỗ không thể tổn thương thì không để tổn thương, nếu chỉ trong một tí co duỗi không độ lượng thì sẽ phạm vào chỗ không có vảy che, không thành tri kiến vô ngại.

Lại bệnh này, tánh thấy sắc trong mắt, ở thế gian hoặc có bậc "Y Vương" hoặc không có "Y vương", pháp cũng thành tựu như vậy, nhưng gặp nhau được chữa trị thì liền mở sáng, không phải công lo liệu thuốc nay mới sáng tạo. Kinh Pháp Hoa có ví dụ người mù, trong đây sẽ nói rộng, các môn phương tiện khác nhau của tất cả các Đức Phật, nghiên cứu ý chỉ của kia đều trở về trong ý này.

Kệ Gương sáng bằng tiếng phạm.

Bát La, để phược, ma mãng da, đạt ma, a xa, du, đà, a nhưỡng vĩ la, a nghiệt la, hệ da, nẵng, tỳ la tất dạ, thất giả, hệ đô yết ma tam mẫu ôn bà, phạ, ế văn nhưỡng, đát phạ, y ý mãn, đạt ma, niết sa pha, bà, phạ nẵng nhưỡng vi lam, cự lỗ tát đát phạ, lạt tha mãng đỗ lam, bột đà nẫm, nhưỡng đa, tất đát phạ, mạo la sa.

Các pháp không hình tướng
Trong vắt không vẩn đục
Không chấp, lìa lời nói
Chỉ theo nhân nghiệp khởi.
Biết pháp này như vậy
Tự tánh không nhiễm ô
Là lợi đời không sánh
Ông từ tâm Phật sinh.

Bản Phạm câu đầu tiên chỉ nói hình tượng, nhưng cùng với pháp vô tướng, thế văn nối liền nhau, ý nói pháp không hình tượng. Tánh vốn thanh tịnh, giống như gương sáng, lắng lặng trong sáng, không có dơ đục, lại có thể hiện khắp các hình, phải biết hình này không từ trong gương sinh, không từ chất ngoài sinh, không cùng sinh, cũng chẳng phải không nhân duyên mà có, các lời nói vô ích đều không tương ưng, lại cũng không được chấp thủ, chỉ thuộc các nhân duyên. Duyên hợp bất sinh, duyên lìa không diệt, tức nói vô thường, không đoạn, không đi, không đến, phải biết hình tượng là cảnh, chính gương là hình, nếu khi hiểu được như vậy thì thấy tướng thật các pháp, đem tâm như gương này soi gương như tâm, do đó nói tâm tự thấy tâm, tâm tự biết tâm, trí và tâm không hai không khác.

Sở dĩ quyết định cạo bỏ màng vảy ở mắt, chính vì quán sát pháp

giới như đây cho nên tự sáng. Nếu khi cùng ở đây tương ưng thì ở phổ Môn Mạn-đồ-la, đắc Tam-muội Trừ cái chướng, vì tất cả chúng sinh làm lợi ích không gì sánh bằng, hoặc nói Vô đối (không gì đối lại) hoặc nói Vô xứng (không gì sánh bằng), nghĩa là không thể đo lường; do có thể tự sinh vào nhà tâm Phật, nên gọi là con của tâm Phật, từ tâm Phật sinh, vì thế nói là ông từ tâm Phật sinh.

Kệ về pháp luân, pháp loa bằng tiếng phạm:

A nãi dã, bát ra bột lý, để, lộ yết tả, chướt yết lan mạt lỵ đa, dã đá, diễn nan, a bố lại duyên, tam mạn đa nột phạ, đạt ma, thương khư, mãng nỗ đá lam, nẵng đát ra kiến ngật sái, vĩ vị để lạt phạ, niết lạt vĩ thương kế nẵng, chế đá sa, bát ra ca, xà dã sa phạ, lộ kế tất dẫn, man đát ra, giá lỵ tà, nẵng diễn, bát lam, y phạm, ngật lật đả nhung, bột đà nẵm, ô bà ca, lý để nghỉ, dã tế hát, đế già phạ nhật ra, đà lạt, tát lạt bính lạt ngật san để đát phạ, tất ba xa.

Ông tự ở ngày nay
Chuyển bánh xe giúp đời
Âm thanh kia cùng khắp
Thổi loa pháp vô thượng.
Chớ sinh ra tuệ khác
Đem tâm không nghi lo
Mở bày cho thế gian
Hạnh chân ngôn thắng đạo.
Thường phát nguyện như thế
Nêu bày ân Đức Phật
Tất cả trì Kim Cang
Đều phải hộ niệm ông.

Giống như Tự luân xoay chuyển thành tựu lẫn nhau, cùng thành một thể. Như tự luân ấy, ấn luân thân cũng giống như vậy, vì thế cho nên khi hiểu đầy đủ nghĩa gương Mạn-đồ-la, tức là hiểu nghĩa xoay bánh xe pháp trong Bí mật tạng, khi xoay bánh xe pháp này, dùng một âm thanh, khắp cả mười phương thế giới thức tỉnh cho chúng sinh, cho nên nói thổi loa pháp lớn.

Phạm âm khắp cả trong Tự, liền có nghĩa thanh (tiếng) có nghĩa phát thổi, lại có nghĩa khiến kia nghe khắp cả địa tuệ: Là Tuệ phân biệt vọng tưởng. Vô nghi tâm: tức là nghi hối hẳn, trụ trong thật trí, do trụ trong thật trí, nên chắc chắn Sư tử rống, mở bày đạo, phát sinh chân ngôn hạnh vô thượng cho hàng trời người; nếu ông có thể phát nguyện như vậy thì đối với bất cứ nơi nào, bất cứ lúc nào, vì báo ân lớn chánh

pháp, nên tuyên bày ân đức của Phật, tức là sứ giả của Như lai, làm việc Như lai, vì thế cho nên tất cả trì Kim Cang đều hộ niệm ông.

Lại nữa, tâm vương của ông, ở trong "Sơ pháp minh đạo", khi thành Phật xoay bánh xe pháp, đã có vô lượng, vô biên Kim Cang Trí ấn, vây quanh cùng giúp đỡ che chở, huống chi thế lực của Tỳ-lô-giá-na khi tâm vương rốt ráo thành Phật, do đó phải vì pháp này phát tâm tinh tấn mạnh mẽ.

Kệ Tam-muội-da bằng tiếng phạm:

A nễ dã, bát ra, bột lý, để, đế phạ sai, a tỉ nhị vĩ đá, ca la minh đa, a bát lý, để dạ dũng hệ, tát đạt mạo, Bồ-đề chất đá, mạt đát bát ra, mãng sai lý duyên, tát bà đạt mê sổ, tát đát phạ, nẵng mang, hệ thả giả dã đa, y đế, Tam-muội-da hệ, tam bột đài, ra, khê dã, đá tát đát phạ, tô một ra, đá, duệ tha, sa phạ, nhị vĩ đơn, lạc ngật sản, đát tha lô ngật sản y mê, đát phạ dã, bát ra ni bát nễ bát nễ, ngu lô, thỉ sử, thất giả ra nô du bạc cổ để, phạ sai ra, a phiếu, bế da, tất than, đa, tát lạt nẵm, niết thất chỉ, đế, nhưỡng, thản ra, thản mãng noa.

Phật tử! Ông, từ nay
Không nên tiếc thân mạng
Không nên bỏ chánh pháp
Xa lìa tâm Bồ-đề
Bỏn xẻm tất cả pháp.
Việc không lợi chúng sinh
Phật nói Tam-muội-da
Ông khéo trụ trong giới
Như tự giữ thân mạng
Giữ giới cũng như vậy.
Nên chí thành cung kính
Đầu dưới chân Thánh Tôn
Việc làm đúng giáo hạnh
Chờ sinh tâm nghi lo.

Trước dùng lời nói đưa ra một bài kệ, giống như chư Tăng dạy cho sáu niệm, Tát-bà-đa dạy cho năm thời giáo. Do đây nghiệm xét mà biết đã thọ giới cụ túc hay chưa, nay bốn giới này nếu đã thọ giới cụ túc rồi thì lược chỉ bày giới tướng, phải biết chính là bốn pháp Ba-la-di trong Bí mật tạng, như người bị kẻ khác chặt đầu, mạng căn không còn tiếp nối thì tất cả chi phần không thể làm gì được, không lâu sẽ bị tan rã. Nay bốn giới Ba-la-di này là mạng căn của Chân ngôn thừa, cũng là mạng căn của chánh-pháp, nếu người phá hoại thì giống như thây chết

ở trong Bí mật tạng, tuy tu đủ các việc công đức, nhưng không lâu cũng sẽ bị bại hoại.

Giới thứ nhất: Không nên xả chánh pháp: Vì chánh giáo của tất cả Như lai, đều phải nhiếp thọ tu hành và thọ trì đọc tụng, giống như biển lớn dung nạp trăm sông, tâm không thỏa mãn, như đối với các thừa liễu nghĩa, bất liễn nghĩa trong, tùy theo tất cả pháp môn sinh tâm xả bỏ, như trong Thanh văn thừa, nếu đối với người có khả năng tác pháp tâm sinh miệng nói, hễ xả bất cứ một pháp nào đều thành xả giới; tuy luật Cụ túc không rơi vào các số, như thế không mắc tội phạm giới. Nay bí mật đại thừa này, rốt ráo không có nghĩa xả, cho nên sẽ thành tội nặng.

Lại tất cả pháp môn này, đều là Đại Bi của Thế-tôn, đã chứa nhóm trong vô lượng A-tăng-kỳ kiếp, vì muốn Phổ-Môn lợi ích tất cả chúng sinh cho nên giảng nói, giống như tự luận không thể bỏ một, như hàng Thanh văn thừa hễ bỏ bất cứ một việc nào mà vẫn hòa hợp như cũ thì cắt dứt nghĩa hòa hợp tan mất luật nghi, huống chi là Đại thừa?

Giới thứ hai: Không nên lìa bỏ tâm Bồ-đề. Tâm Bồ-đề này, đối với muôn hạnh Bồ-tát giống như cây cờ của vị Đại tướng, nếu khi đại tướng tan mất cây cờ thì ba quân (toàn thể quân đội) công lao hư hoại, rơi vào chỗ thua người, vì thế phạm Ba-la-di. Có người tuy mến trọng pháp tạng ba thừa tâm không lìa bỏ, nhưng nghĩ rằng, Vô thượng Đại thừa các thứ khổ hạnh khó làm, ta không thể chịu được, hãy nên ở trong Tiểu thừa mà nhận lấy Niết-bàn, Ta phải trồng nhiều gốc lành, cúng dường Tam bảo, được nhiều phước báo trời, người, Vô thượng Bồ-đề là nói tu hành của những bậc Đại nhân như Văn-thù, Phổ Hiền... Nay ta làm sao có thể được các nhân duyên như thế, lui sụt nguyện Bồ-đề chính là tự cắt đứt mạng sống, phạm tội Ba-la-di. Lại tâm Bồ-đề này, rốt ráo không có nghĩa để lui sụt, cho nên không giống như trong pháp Thanh văn, cho đến, xả bỏ Tam quy trở lại làm người tại gia ngoại đạo, Phật cũng từ bi thương xót chấp nhận.

Giới thứ ba: là đối với tất cả các pháp không nên bỏn sẻn không chịu quán sát căn cơ mà ban cho thì cũng phạm tội Ba-la-di. Vì sao? Vì Như lai ra đời sau đó mới có Chánh Pháp, cho đến một câu, một bài kệ Thế-tôn đều tan mất thân mạng giúp việc cho người sau đó mới được, đó là tài sản cha mẹ để lại cho tất cả chúng sinh, không riêng cho một chúng sinh nào, mà nay trộm cho mình có, trong Bí mật tạng này, đồng với tội ăn trộm vật của Tam bảo.

Nói Sơ lược Pháp có bốn thứ: Nghĩa là ba Thừa và Bí Mật Thừa, tuy không nên bỏn sẻn, nhưng phải quán sát chúng sinh, so lường căn

khí của họ rồi mới trao cho, nếu nói việc sâu xa bí mật ngay khiến họ sinh nghi, chê bai cắt đứt gốc lành thì ở trong giới thứ tư phạm tội "Ba-la-di". Nếu thật sự bỏn sẻn tài vật không chịu cấp cho ở trong mười thứ giới phương tiện thì kết phạm, ở phẩm sau sẽ nói.

Giới thứ tư: Chớ đối với tất cả chúng sinh làm việc không lợi ích: Đây là trái với pháp bốn Nhiếp, bốn Nhiếp là bốn y trong giới Bồ-tát và giới Cụ túc, khi mới thọ giới, trước phải nêu già nạn này, nếu người vâng làm được thì mới cho thọ, không thể vâng làm thì không phải Ma-ha Tát-đỏa, không được cho thọ. Vì sao? Vì Bồ-tát phát tâm Nhất thiết trí, vốn vì nhiếp khắp tất cả chúng sinh, vì làm nhân duyên cho hàng Tam thừa vào Đạo, mà nay trái lại làm pháp trái với bốn Nhiếp, gây ra nhân duyên làm cho chúng sinh chướng đạo, tất cả chúng sinh cũng đồng thể với tự luân, không được lìa nhau, hễ làm tổn hại gốc lành của bất cứ một chúng sinh nào hoặc đối với họ xả bỏ việc làm lợi ích thì đều phạm tội Ba-la-di, so sánh như trong pháp Thanh văn hễ xả một người trong bảy chúng, tức nghĩa là không hòa hợp, đoạn mất luật nghi của giới Cụ túc, chỉ là tùy theo tâm buồn phiền, tạo các tội dâm, đạo, sát, vọng... Nhưng chưa tổn hại duyên lành ba thừa kia, giống như tội thâu-lan-già trong pháp Thanh văn, đó là phương tiện nhiếp vào Học xứ. Tiếp theo dưới là lời A-xà-lê dạy giới.

Phật dạy: Tam-muội-da: Bản Phạm gồm có chữ này, ý nói các Đức Phật trong mười phương ba đời, cùng nói Tam-muội-da này, đồng đi một con đường chân thật giống như nhau, không còn con đường nào khác. Nay trong Mạn-đồ-la, tất cả các Đức Phật nhóm họp hiện làm chứng thật.

Tiếng Phạm Tô-một-ra-đa, dịch là người khéo trụ giới, do kia khéo trụ Tam-muội-da cho nên cũng gọi người khéo trụ giới, chính là pháp môn khác nói là Phật tử, như giúp đỡ sinh thân do cha mẹ sinh ra, đã có thân thể, nay ưa thích pháp thân tuệ mạng này, cũng phải như vậy, nay ông đã thọ giới Cụ túc xong, phải chí thành hướng đến các Tôn vị kia đảnh lễ mà lui, từ nay về sau hễ có làm gì, phải nương giáo vào pháp Chân ngôn đầy đủ, như lời dạy mà thực hành, tất cả sự nghiệp đồng như người mới thọ giới, trước phải thưa hỏi thầy, không được tâm tự tiện chọn đàn khiến sinh ra điều tà ác, nghi hối.

Lại nữa, A-xà-lê nói hai bộ giới bổn trong Trì minh tạng, mỗi bộ đều là chân ngôn, có công năng thành tựu các việc, Như lai do đây gia trì các đệ tử, nay các kệ trong này cũng giống như vậy. Khi tác pháp, phải tụng bản Phạm, gồm đem tự môn mà giải thích rộng.

Bấy giờ, Kim Cang Thủ bạch Đức Phật, cho đến đồng thấy Phật, Thế-tôn, đó là nhân thọ giới Cụ túc xong. Nói công đức Vô tác trong môn Chân ngôn, như trong pháp Thanh văn, nếu thọ giới Cụ túc xong thì dâm, đạo, sát, vọng... là mỗi học xứ, mỗi tam thiên đại thiên thế giới mỗi chúng sinh xứ, đều được công đức vô tác, sông phước trôi chảy cho đến khi qua đời. Còn giới không uống rượu, đều sinh công đức Vô tác, giới đào đất hoại sinh, đối với tất cả cây cỏ từ mé Kim Cang đến nay, mỗi hạt cát bụi đều sinh công đức Vô tác, do nhân duyên này, tuy còn đủ các kiết sử phàm phu, cũng được cùng với các bậc Thánh Vô học, đồng ở trong số ứng cúng, cùng cầm giữ việc Thánh. Nay trong Bí mật tạng này, do giới ban đầu, đối với tất cả kho chánh pháp trong mười phương ba đời, đều sinh công đức vô tác.

Do giới thứ hai, đối với tất cả hạnh Bồ-tát trong ba đời mười phương đều sinh ra pháp công đức vô tác, do giới thứ ba, đối với tất cả pháp môn độ người trong mười phương ba đời, đều sinh ra công đức vô tác; do giới thứ tư, đối với tất cả chúng sinh và bốn nhiếp sự trong mười phương ba đời, đều sinh công đức vô tác, không riêng dùng một ngày nào đó làm hạn lượng, tam thiên là cảnh giới.

Lại tất cả luật nghi của Thanh văn, nhân duyên tạo tác chấm dứt, đến Vô dư Niết-bàn trở về với Nguội thân bặt trí, nay Luật nghi Bồ-tát này, vốn từ Nhất thiết trí sinh, cuối cùng đến biển Tát-bà-nhã (Nhất thiết chủng trí) gốc ngọn, mạt rốt ráo đều như Kim Cang.

Lại như trong pháp Thanh văn, tuy có đầy đủ phiền não, hữu học, vô học... thềm bậc khác nhau, nhưng đã phát ra Vô tác luật nghi thì không có hơn thua khác nhau. Nay luật nghi Bồ-tát này cũng giống như vậy, tuy là bắt đầu phát tâm, cho đến bốn mươi hai địa vị thềm bậc khác nhau, nhưng một khi khắp cả pháp giới phát khởi gốc lành vô tác thì cùng với Như lai không còn thêm bớt khác nhau.

Lại nữa, như khi bắt đầu phát tâm, tất cả công đức liền bằng với Như lai, từ đây về sau trải qua số kiếp không thể tính đếm, ở trong một niệm thường tiến lên, càng sâu càng rộng không thể suy nghĩ bàn luận, do nghĩa này cho nên gọi là công đức vô tác trong Bí mật tạng.

Kinh chép: Kim Cang Thủ hỏi: Thiện nam, thiện nữ này, vào Đại Bi Tạng Mạn-đồ-la này, được bao nhiêu phước đức nhóm họp?

Phật dạy: Từ khi bắt đầu phát tâm cho đến thành Như lai, tất cả nhóm phước đức thì nhóm phước đức của người thiện nam, thiện nữ cũng bằng nhau, phước này tất cả chúng sinh suy lường phân biệt không thể biết được chỉ có các Đức Phật mới có thể biết, nhưng nay chỉ bày

chỗ cho kia vào, muốn khiến lãnh hội ý đầy đủ, nên nói dùng pháp môn này phải biết như thế.

Ví như Thái tử Luân vương vừa ở trong Thai tạng, đã có thể giữ gìn Tứ thiên hạ, khiến phước đức không giảm, các thần, tám bộ đều tôn kính, huống chi lợi ích làm được khi nối tiếp ngôi vị quán đảnh, do đó Phật dạy, do tất cả nhóm phước đức kia bằng với Như lai, phải biết chính là từ miệng Phật sinh, là đệ tử trong tâm Phật, nguyên nhân kia chính là có Phật, làm các Phật sự, giống như trong kinh Thanh Văn, Đức Phật dạy: Hễ Xá-lợi-phất đến chỗ nào thì nơi đó không có xảy ra các việc. Tất cả chúng sinh sở dĩ gần gũi cúng dường Như lai, và có thể sinh ra phước tuệ vô tận; nay thiện nam, thiện nữ này tất cả nhóm phước đức bằng với Như lai, vì thế cho nên Thế-tôn dặn dò tất cả chúng sinh, nếu muốn cúng dường Phật, phải cúng dường thiện nam, thiện nữ này, nếu muốn thấy Đức Phật thì phải quán kia.

Khi mới nhập thế đế Mạn-đồ-la thì tất cả nhóm phước đức đã bằng với Như lai, cho đến nói rộng, hễ khi vào bất cứ một địa vị Mạn-đồ-la nào thì nhóm phước đức sinh ra đều bằng với Như lai. Trong đó cũng có khác nhau, cũng không khác nhau, do thấy Kim Cang giới như thế cho nên gọi là Kim Cang Thủ, do thấy pháp giới như vậy cho nên gọi là Phổ-Hiền, do trên đầu Thánh Tôn này, cùng tất cả chúng Bồ-tát Kim Cang đều cùng đồng thanh nói: Chúng con từ nay về sau sẽ cúng dường cung kính thiện nam, thiện nữ ấy. Vì sao? Vì đồng như thấy Thế-tôn, giống như phụ tá Luân vương, vì biết rõ giòng họ Luân vương, thấy sinh ra rất nhiều nghĩa lợi cho thế gian, muốn khiến bảy thứ báu thường không ẩn mất, đều đem tâm chí thành lễ kính thái tử trong thai mà giữ gìn che chở, không phải dùng lời để lừa dối.

Cù-hê chép: Như trên đã nói A-xà-lê làm Hộ-ma xong, dùng nước sạch rảy trên đầu các đệ tử, rộng chỉ bày ngôi thứ Mạn-đồ-la, dạy cho họ Đại Ấn và Minh Vương Chân Ngôn, khiến ngồi một chỗ mà trì tụng, sau dạy dùng hương hoa cúng dường Bổn tôn và các tôn vị khác xong, theo thứ lớp mà ngồi, thầy tự tụng kinh Bát-nhã khiến kia nghe, sau nói cho họ Tam-muội-da giới. Các ông từ ngày nay, thường đối với Tam bảo, các Bồ-tát, các chân ngôn tôn, cung kính cúng dường, đối với kinh đại thừa, thường sinh tín hiểu, hễ thấy tất cả người Tam-muội-da, thường sinh yêu mến, đối với bậc Tôn giả luôn khởi tâm cung kính, không nên đối với các tôn vị có tâm giận ghét, và cùng tin học kinh sách ngoại đạo.

Hễ người đến tìm, tùy theo khả năng bố thí, đối với loài hữu tình

thường khởi tâm từ bi, đối với công đức tâm chuyên tu tập, thường ưa thích đại thừa, đối với chân ngôn hạnh không được biếng nhàỳc, bỏ phế, tất cả pháp bí mật mà không có Tam-muội-da thì không nên nói.

Tóm tắt sơ lược như vậy, ngoài ra như trong phẩm thứ nhất Pháp cúng dường có nói rộng. Dạy bảo như vậy xong, mỗi mỗi chỉ bày kia thuộc về bộ của Bổn Tôn Chân ngôn ấn kia, đồng thời giải thích Mạn-đồ-la gốc, sau đó làm Hộ-ma sau cùng, Hộ-ma xong, lại như pháp hộ thân bố thí cho chúng sinh ở các phương ăn thí xong rửa tay sái tịnh, cùng các đệ tử đem các hương, hoa... lần lượt cúng dường tất cả các tôn vị, thành tâm đảnh lễ và xin hoan hỷ, lại cầm nước át-già, tất cả đều dùng bản chân ngôn đúng như pháp phát khiển, hoặc nương bản giáo, hoặc dùng Chân ngôn chủ Mạn-đồ-la, đồng một lúc phát khiển, y theo giống như thỉnh pháp; Các thức ăn cúng dường phải bố thí cho người nghèo, không nên cho chó chim ăn, có tài vật gì, A-xà-lê nên nhận lấy tùy ý thọ dùng, nếu không thể dùng phải cúng dường Tam bảo, Lọng, Phất... cúng dường Phật, hương bột, hương xông... cúng dường pháp, những vật y, bình... cúng dường Phật và tứ phương tăng, nếu không có tăng thì phải cúng dường bảy chúng đệ tử kia cho đến một phần nhỏ cũng không được dùng, nếu dùng thì phạm Tam-muội-da, như kia có nói rộng.

Bấy giờ, Tỳ-lô-giá-na, lại quán sát tất cả hội chúng bảo Kim Cang Bí Mật Chủ... trở xuống, là nói chi phần chân ngôn cần dùng khi pháp sự Mạn-đồ-la, A-xà-lê phải nên hiểu rõ rồi, sau mới nói, muốn chỉ bày kho mật ngữ của Như lai, trở lại quán sát khắp đại chúng để gia trì, như khi sinh thân Phật sắp phát lời thành thật, hoặc hiện ra tướng lưỡi rộng dài trùm khắp mặt, mà bảo người đáng độ rằng: Trong kinh sách, ông thấy người có tướng như thế mà nói ra lời luống dối không? Nếu trong Đại thừa, hoặc chỉ bày tướng lưỡi trùm khắp tam thiên đại thiên thế giới.

Nay Thế-tôn sắp nói lời Như lai Bình đẳng, nói ngữ luân này ngang dọc đều khắp tất cả pháp giới, vì thế nói tướng Ngữ Luân dài rộng. Tướng chữ này, bản Phạm gọi đúng là Mạn-đồ-la, trước đã chỉ bày rõ Phổ Môn thân Mạn-đồ-la, nay lại hiện bày Phổ Môn Ngữ Mạn-đồ-la, giống như ngọc Như ý vắng lặng Vô tâm cũng không có tướng chắc chắn, nhưng có thể ứng khắp tất cả, đều khiến tâm kia vui thích, do đó gọi là sắc đẹp Ma-ni đến từ thân sắc đẹp Ma-ni, phát ra lời sắc đẹp Ma-ni, chỉ bày tâm sắc đẹp Ma-ni, khắp mưa pháp tài, đầy khắp pháp giới chúng sinh các thứ nguyện ít có.

Dấu vết ứng vật như thế, thường khắp mười phương ba đời, đem vô lượng môn trồng các gốc đức, không khi nào cùng tận, trụ ở hạnh không thể hại, tức là nghĩa đối với tất cả sự nghiệp, đều không thể gây trở ngại, không thể phá hoại, do đó nói năng lực ba đời không sánh bằng câu Chân Ngôn, đây nói chung chỗ phát sinh ra các Chân Ngôn. Văn dưới sẽ nói Đại Lực, Đại Hộ... tức là từ ngọc Như Ý Luân sinh ra tác dụng thích hợp căn cơ.

Bấy giờ tất cả đại chúng, tự biết tâm khí thuần tịnh, lại nhờ Như lai gia trì không nghĩ bàn cho nên có thể lãnh thọ pháp lớn, liền dùng vô lượng môn, đều cùng đồng thanh thỉnh Phật rằng: Bạch Thế-tôn! Bây giờ đã đúng lúc. Bạch Thiện Thệ! Bây giờ đã đúng lúc: Căn cứ vào bản Phạm, thời của thời trước gọi là Ca-la là thời lớn, như một năm có ba phần v.v... Thời của thời sau gọi là Tam-ma-đa là thời trung và nhỏ, như trong ngày đêm sáu thời lại còn có phần nhỏ... Như có người nói, nay chính là lúc chuyên làm, gặp được mưa tốt, phải ngay trước mắt gieo trồng chớ để mất cơ hội kia, cho nên nói lại.

Bấy giờ, Thế-tôn đã thọ thỉnh rồi sắp nói Đại Lực đại hộ minh phi, cho nên trụ trong tất cả nguyện, xuất ra tướng lưỡi rộng dài, trùm khắp tất cả cõi Phật, cờ pháp thanh tịnh, ở chóp núi cao quán sát Tam-muội. Trong đây nói xuất: Tiếng Phạm dịch đúng phải nói phát sinh, xưa dịch là hăng hái. Xuất tướng lưỡi dài rộng này, chính là Như lai hăng hái thực thi hiện năng lực đại thần thông, hội ý để nói. Tam-muội đây, ở trong tướng lưỡi dài rộng của Như lai khắp đủ phổ môn đại dụng, ma-ni sắc đẹp trong tất cả cõi Phật, rất là hơn cả, giống như lá cờ của vị Đại tướng, cho nên nói cờ pháp thanh tịnh.

Tiếng Phạm Đà-phạ-nhã, Hán dịch là "tràng" (cây cờ). Tiếng Phạm Kế-đô, Trung hoa dịch là "Kỳ" (cây cờ). Tướng nó hơi khác, Tràng chỉ dùng lụa nhiều màu để trang nghiêm cây cờ, tướng Kế-đô (Kỳ) phần lớn là giống, nhưng kỳ còn thêm kỳ (cây cờ) mật hiệu, như nhà binh vẽ làm các loại hình rùa, rồng, chim thú, dùng làm chừng mực cho ba quân, có chỗ cũng dịch là tràng, cho nên hiệp lại để nói. Nếu bản Phạm còn đủ phải nói pháp tràng kỳ thanh tịnh.

Như vị Đại tướng ở trên đỉnh núi cao dựng lập cây cờ, thấy đủ núi sông tình trạng dựa núp của kẻ địch, chỉ huy đông đến trăm, muôn, động chỉ một lời, lìa hiệp từ tâm, lại đánh nhau ắt thắng, lại công ắt thủ, nếu tướng vụng về, đối với sự thế lại mất cờ hiệu thì mọi người đều kinh hãi tâm thất bại không xoay gót chân. Tâm Bồ-đề thanh tịnh này làm cây cờ muôn hạnh cũng giống như vậy, trụ trong đạo lý Đệ nhất nghĩa đế

trên, an toàn vững chắc không lay động, do thực hành Tam-muội quán khắp mười phương, đều thấy chỗ ứng dụng tài tánh hơn kém của vô lượng độ môn, và cùng nhân duyên chánh đạo, các địa thông bít, có thể được nhiếp giữ vô lượng công đức, khắp hộ tất cả chúng sinh, hễ có làm gì thì không thể cản trở, phá hoại.

Bấy giờ, Đức Thế-tôn nghĩ rằng: Ta từ khi mới phát tâm đến nay, thường dùng tâm Bồ-đề mệnh mẽ này để giữ gìn che chở chánh pháp và các chúng sinh, đối với các việc khổ hạnh khó làm, giống như Kim Cang không có lui sụt, chính vì thành tựu Tam-muội như thế, khắp hộ cõi nước các Đức Phật trong mười phương. Nay chỗ những điều nguyện của ta đều đã đầy đủ, làm việc nên làm chính là thời kia, tức thời phát khắp pháp giới của tất cả Như lai, thương xót không còn thừa âm thanh ở thế giới chúng sinh.

Nói Trì Minh Pháp Cú này, nếu lời nói ta thành thật không luống dối, kia có trì tụng tu tập thì khiến kia thế lực không khác với ta, do đó nói Đại Lực đại hộ. A-xà-lê nói: Minh nghĩa là ánh sáng của trí tuệ rộng lớn, phi, tiếng Phạm là thệ, tức là chữ vương được phát âm theo giống cái, do đó người truyền đạt dịch nghĩa là phì. Phì có nghĩa là Tam-muội, có chỗ nói Đại bi thai tạng Tam-muội, Tam-muội này là mẹ của tất cả Phật tử. Phật tử này, tức là cờ pháp tâm Bồ-đề thanh tịnh, như khi thai tạng kia bắt đầu từ Ca-la-la, dung chứa che chở giữ gìn, không để cho các duyên làm tổn hại, lớn lên dần dần cho đến sinh ra, nuôi dưỡng. Sau đó vẫn còn hết lòng giữ gìn, nuôi nấng, vì thế cho nên nói ân mẹ rất sâu, khó có thể báo đáp ân đức. Xuất Tam-muội này: Khi trụ, xuất đều là pháp giới không nghĩ bàn, không phải như thiền định của thế gian, động tịnh chướng ngại nhau, có khi lùi mất, xen hở.

Nam ma tát bà thản tha, nghiệt đế tệ, tát bà bội giả vi nghiệt khiến la ngật sa ma ha mạt lệ, tát bà đát tha nghiệt đa, bôn nê dã nễ xà đế hâm hâm đát la trách đát la trách a bát la để ha đế tóa ha.

Câu đầu là quy mạng tất cả các Đức Như lai, câu thứ hai có công năng trừ tất cả chướng ngại, sợ hãi... là khen ngợi tất cả đức đại trí, đại lực của Như lai, lại câu tiếp theo là khen ngợi vô lượng pháp môn. Tỳ-thấp-phạ cũng là nghĩa khéo, cái gọi là vô lượng độ môn khéo, tức là nghiệp dụng phổ môn của cây cờ pháp trên đỉnh núi cao, mà quán Tam-muội. Nay muốn nói Minh Phi này cho nên trước quy kính công đức như thế của tất cả Như lai, tiếp theo nói Tá-bà-tha, là chỉ chung công đức như thế của các Đức Phật, muốn giúp cùng vào một tự môn, sau có hai chữ hàm khiếm, chính là thể của chân ngôn, các câu ở dưới đều chuyển

giải thích hai tự môn này. Chữ Ha là nghĩa nhân, cái gọi là nhân đại thừa, chính là tâm Bồ-đề, do tất cả nhân vốn bất sinh cho đến lìa nhân duyên, gọi là tâm Bồ-đề thanh tịnh, đó là hạt giống thành Phật, nhân chân thật của cây cờ chánh pháp, trên thêm chấm không nghĩa là nhập chứng, vì thế chuyển âm thành Hàm. Khư là đại không, trên thêm chấm chuyển thanh là Khiếm, tức là chứng đại không này gọi là Bát-nhã Phật Mẫu, chính là nghĩa Minh Phi, ở trong hư không tạng này nuôi dưỡng hạt giống. Chân Nhân, tức là nghĩa đại hộ.

Lại nữa, tự môn Khư, giống như hư không rốt ráo thanh tịnh, không có gì, tức là ở đỉnh núi cao quán cảnh giới sở tri, chữ ha là cờ Bồ-đề cũng là năng lực tự tại, do hai chữ này tương ưng, giống như vị đại tướng có khả năng phá tan kẻ thù. Lại, tự môn Ha là tâm Bồ-đề quý báu, cùng tự môn Khư của hư không tạng hòa hợp, được thành ma-ni màu đẹp, có thể đầy đủ tất cả nguyện hiếm có. Nay trong Chân ngôn này liên quan với Khiếm Tự đây, văn dưới đầy đủ.

Câu tiếp theo nói La-khất-xoa, tức nghĩa là ủng hộ, giống như người sợ nguy hiểm khó khăn, nếu cậy nhờ người có sức mạnh, hoặc gặp thành cao hố sâu vững chắc thì thản yên không lo sợ, các oán địch kia tuy dùng các phương tiện, cũng không sao cả, người tu hành cũng giống như vậy, nương vào tâm Bồ-đề vua, lấy Bát-nhã Thai Tạng làm thành quách, giống như hư không không thể phá hoại, chính là chuyển giải thích nghĩa trước đây.

Câu tiếp theo là Ma-ha Mạt-lệ, Hán dịch là Đại Lực, chữ Ha trong tâm Bồ-đề, đầy đủ tất cả năng lực Như lai, nay hợp với chữ Khư, lìa các sự trói buộc không còn quái ngại, như gió giữa hư không xoay chuyển tự tại, vì thế gọi là Đại Lực. Lại, Lực tự tại của chữ Ha, khéo hợp với chữ Khư Vô lượng Độ Môn, giống như lực sĩ đầy đủ ngàn thứ kỹ nghệ và năng lực, thế nên mọi người không thể hơn được, do đó gọi là Đại Lực. Câu thứ bảy giải thích nguyên nhân đại lực cho nên nói công đức sanh tử tất cả Như lai, nói lực rất bền chắc này, vốn giống như chủng tánh sanh tử chư Phật Kim cang từ vô lượng kiếp đến nay thường dùng Chân nhân chữ A này tu đủ muôn đức chữ pháp, mỗi mỗi đều như Kim Cang không thể phá hoại, nay các đức đã đầy, các lực đều đủ, lại phải dùng đỉnh núi cao của cờ pháp này để quán Tam-muội, đánh dẹp hoàn toàn kẻ thù trong pháp giới, cứu khắp chúng sinh, sau đó liền nói lời thành thật, cái gọi là chữ hâm hâm. Hâm là khủng bố tiếng kia, sở dĩ nói lập lại, vì một là dẹp chướng ở bên ngoài, một mặt dẹp chướng bên trong.

Lại nữa, ngoài là phiền não chướng, trong là trí chướng. Nếu giải

thích tự môn thì Như lai dùng pháp nào để khủng bố các chướng? Bảo rằng, dùng tự môn Ha này. Dưới vẽ Tam-muội tức là tu đủ muôn hạnh, trên có chấm Đại Không tức là muôn đức đã thành tựu, chữ Ha tức là Cây cờ pháp Tam-muội, điểm không hòa hợp tức là đỉnh núi cao quán Tam-muội. Chữ Ha là hạt giống của tất cả Như lai, trên có chấm là mẹ của Minh Phi, dưới vẽ là Thai phần này ngày càng thêm lớn, do nghĩa như thế nên khi phát đúng âm thanh thì ma quân tan hoại.

Tiếp theo nói: Thản-la-tra nghĩa là quát mắng, nhiếp phục, như khi sư tử mạnh mẽ rống lớn các thú đều sợ hãi khép nép, cũng lập lại lời ấy: Là đối với phiền não căn bản và tùy phiền não, cho đến đối trị tất cả phiền não, phiền não bên trong và phiền não bên ngoài. Câu cuối cùng nói: A-bát-la để-ha-đế nghĩa là năng lực không thể đối kháng, không thể so sánh, kết giữ văn trên, do nhân duyên này nên gọi là Đại Lực Đại Hộ "Minh Phi". Tóa-ha: Là cúi xin các Đức Phật biết để làm chứng minh, cũng là nghĩa nhớ niệm, như trước đã giải thích.

Kinh chép: Khi ấy, tất cả Như lai và chúng Phật tử nói châm ngôn này xong, lập tức khắp cả cõi Phật rúng động sáu cách, nghĩa là Như lai Đại Nhật khi phát ra âm thanh này khắp cả pháp giới, tất cả các Đức Phật, Bồ-tát, do cảnh giới không hai, thảy đều đồng thanh mà cùng nói, nay chỗ gia trì "Cú" này thế lực đầy đủ. Lại do Như lai nói lời thành thật, nên ngay lúc ấy các cõi Phật mười phương rúng động cách cách. Vì "Minh" Phật bản thệ chân thật không luống dối. Nghĩa rúng động sáu cách, kinh khác nói đủ tướng kia; nay dựa vào Bí mật thích của Tông này, sáu cách nghĩa là sáu phiền não căn bản: tham, sân, si, kiến, mạn, nghi, tâm địa tất cả chúng sinh, thường bị chướng nặng này bó buộc không thể tự thoát ra, nay nhờ sự cảm động chí thành đối với Đức Thế-tôn mà đều phá vỡ lớp vỏ, sinh mầm giống Phật, vì thế nói rúng động sáu cách.

Bấy giờ, tất cả Bồ-tát, thấy nhân duyên hai thứ động đất sơ cạn và sâu kín này, tâm mắt đều khai mở, được điều chưa từng có, dùng kệ nhiệm mầu khen ngợi Thế-tôn Đại Nhật.

Kinh chép: Ở trước các Đức Phật, nghĩa là khi Đức Phật nói "Minh" này, chư Bồ-tát mười phương thế giới... đều thấy Đức Phật kia trước cũng đều nói, vì thế đồng một âm thanh, đồng thời hiểu rõ, liền nương vào văn đây chứng thành uy lực Đại hộ, trong bài kệ lãnh giải, các Đức Phật rất đặc biệt, bản Phạm còn đủ nên nói là lành thay! Tất cả các Đức Phật nói Đại lực hộ này, chính là các Bồ-tát trong tất cả các thế giới thảy đều cùng một lúc hiểu rõ chân ngôn do tất cả các Đức Phật

trong mười phương đã nói, được các Đức Phật mười phương cùng che chở giữ gìn, giống như thành Kim Cang dày, chắc, cao không thể lên được, lại bao quanh bằng ao nước sâu không thể vượt qua, vì thế cho nên tất cả các chướng không thể xâm lấn. Do kia hộ tâm trụ: Nghĩa là các vị tu hành dùng chân ngôn mật ấn này giữ gìn thân tâm mà an trụ, vì thế cho nên có khả năng làm chướng ngại, các Tỳ-na-da-ca, ác hình La-sát... tự nhiên lùi tan.

Lại chữ trụ này, nếu y theo tiếng Phạm, cũng có tên, vì giữ gìn tâm kia, nếu giải thích sâu thì nói tâm Bồ-đề thanh tịnh của người này, do thật nghĩa Minh Phi này hộ tâm mà trụ, thế nên ba thứ chướng nặng, các ác La-sát... thảy đều đuổi tan, không thể làm tổn hại gốc lành của kia, dưới đến khi sinh tâm nhớ nghĩ, cũng có thế lực như vậy, câu cuối lại kết thành.

Kinh chép: Thế-tôn gia trì pháp giới rộng lớn, liền ngay khi đó trụ trong pháp giới thai tạng Tam-muội, xuất định này dậy, nói nhập Phật Tam-muội-da trì minh. Tiếng Phạm Tỳ-phú-la nghĩa là rộng lớn, nghĩa là sâu rộng không bờ mé, không thể đo lường, như thế, tự thể các pháp, gọi là Tỳ-phú-la pháp giới, tướng thật các Đức Phật, tướng thật chân ngôn, tướng thật chúng sinh, đều là pháp giới Tỳ-phú-la, do vậy lại gia trì lẫn nhau, gọi là pháp giới che chở.

Lại nữa, như nhân duyên nam nữ giao hội, hạt giống gá vào thai tạng lại không mất mát hư hoại, tức nghĩa là gia trì lẫn nhau, như thế, các Đức Phật, quốc vương và Minh Phi hòa hợp, cùng sinh hạt giống Tỳ-phú-la, được Đại bi thai tạng giữ gìn không để mất mát hư hoại, cho nên gọi là pháp giới che chở, Thế-tôn gia trì khắp tất cả chúng sinh, đều tạo ra hạt giống xong, liền nhập vào pháp giới thai tạng Tam-muội. Quán mỗi hạt giống này, đều là Tỳ-lô-giá-na trên đài hoa sen, Phổ-môn quyến thuộc trang nghiêm vô tận, cũng không nhau với Đại Bi Mạn-đồ-la... nhưng các chúng sinh chưa thể tự chứng biết, cho nên nói ở trong Thánh thai đều là nhà, nếu khi ra khỏi tạng thì đó là Như lai giải thoát.

Đức Thế-tôn quán sát rõ ràng như thế rồi, liền xuất Tam-muội, nói Tam-muội-da trì minh. Tam-muội tức nghĩa là bình đẳng, nghĩa là bản thệ, nghĩa là trừ chướng, nghĩa là cảnh giác. Nói bình đẳng: nghĩa là khi Như lai hiện chứng Tam-muội này, thấy các thứ thân, miệng, ý mà tất cả chúng sinh, đều giống với Như lai, thiền định trí tuệ cùng thân tướng thật cũng rốt ráo bình đẳng, thế nên phát ra lời chắc thật để bảo với chúng sinh, nếu điều ta nói chắc chắn không luống dối, khiến tất cả chúng sinh khi phát lời chắc thật này cũng mong tam mật gia trì, trang

nghiêm vô tận cùng giống với Như lai. Do nhân duyên ấy, có thể làm sự nghiệp Kim Cang, cho nên gọi là Tam-muội-da. Nói bản thệ: Như lai khi thấy, chứng Tam-muội này, thấy tất cả chúng sinh đều có nghĩa thành đạo, ngay lúc đó lập thệ nguyện lớn. Nay ta phải từ Phổ Môn dùng vô lượng phương tiện, giúp tất cả chúng sinh đều đến Vô thượng Bồ-đề, nếu thế giới chúng sinh chưa hết thì sự nghiệp của ta không bao giờ ngưng nghỉ. Nếu có chúng sinh theo bản thệ của ta khi phát lời thành thật này thì cũng khiến sự nghiệp họ đã làm, thảy đều thành tánh Kim Cang, do đó gọi là Tam-muội-da. Nói Trừ chướng: Như lai thấy tất cả chúng sinh đều có pháp thân Như lai, chỉ do một niệm Vô Minh, thường ở trước mắt mà không hiểu biết, vì thế nói lời thành thật, nay ta phải lập ra các thứ phương tiện, khắp vì tất cả chúng sinh quyết lột bỏ cái màng ở con mắt, nếu ta thệ nguyện ắt sẽ thành tựu, khiến các chúng sinh theo phương tiện của ta. Khi nói lời thành thật này cho đến ở trong một đời, được đôi mắt không nhơ "Cái, Chướng" đều hết, vì thế gọi là Tam-muội da. Nói nghĩa cảnh giác: Như lai vì tất cả chúng sinh đều ngủ trong Vô Minh, đối với công đức như vậy không tự hiểu biết, cho nên đem lời thành thật làm cho cảm động, khiến cho được tỉnh ngộ, cũng dùng lời này để cảnh giác các Bồ-tát... khiến ra khỏi hang sâu thiền định, bắt chước Sư tử luôn co duỗi, nếu có người tu chân ngôn nói Tam-muội-da này thì các Đức Phật chúng ta cũng sẽ nhớ giữ bản thệ không được trái vượt, giống như vị cua tự đặt ra luật pháp rồi trở lại tự mình tôn kính làm theo. Cho nên gọi là Tam-muội-da. Trì Minh: Tiếng Phạm Đà-la-ni. Minh: Nghĩa là tổng trì tất cả minh môn, minh hạnh, cho đến cùng tận Tam-muội-da thệ nguyện đến nay, không bao giờ lọt mất, do đó gọi là nhập Tam-muội-da trì minh.

Nam ma tam mạn da bột đà nẫm a tam mê đán lý tam mê tam ma duệ sa ha.

Câu đầu tự quy mạng tất cả các Đức Phật như trên đã giải thích, câu kế nói Vô đẳng, tiếp theo nói Tam đẳng, liền với câu dưới để nói thì là Vô Đẳng Tam Bình đẳng Tam-muội-da.

Lại nữa, A nghĩa là các pháp vốn bất sinh, tức là thể tánh pháp giới. Bà nghĩa là đế. Mê: Nghĩa là Tam-muội. Ma là tự chứng Đại không, cũng là nghĩa Ngã, khi Đức Thế-tôn chứng Tam-muội này, quán sát tất cả chúng sinh tâm lực phổ Môn Mạn-đồ-la đều giống như ngài, cho nên không đối đãi, không thể thí dụ, so sánh, gọi là Vô Đẳng. Tam Đẳng là ba đời bình đẳng, ba nhân bình đẳng, ba nghiệp đạo bình đẳng và ba thừa bình đẳng, tức là chuyển giải thích câu trên, cho nên ý là Vô

Đẳng.

Đát lý: Nghĩa là tâm như tướng thật, tất cả bụi trần xưa nay bất sinh, Như lai ba đời dùng các thứ phương tiện, thảy đều vì một việc lớn Nhân duyên này, tức nghĩa là trừ chướng. Kết thúc rằng: Tam-muội-da: Chính là chắc chắn Sư Tử Hống, nói nghĩa các pháp bình đẳng, lập thệ nguyện lớn, khiến tất cả sẽ được như ngài, muốn cho khắp chúng sinh khai mở tri kiến thanh tịnh, do sự giật tỉnh chúng sinh và các Đức Phật này, cho nên Tam-muội-da này gọi là thệ kiên cố thành thực của tất cả Như lai; Nếu người nào trước không niệm trì thì không được làm tất cả pháp sự chân ngôn.

Thế-tôn đem thân, miệng, tâm nói Tam-muội-da này lần lượt ở khắp tất cả cõi Phật rồi, tất cả các chúng Phật tử đều nghe. Nghe xong, đối với tất cả pháp chân ngôn không dám trái vượt. Vì sao? Nếu Bồ-tát đối với các pháp chúng sinh, tạo ra các kiến chấp không bình đẳng thì vượt pháp Tam-muội-da, nếu đối với thệ nguyện bình đẳng này, gây ra các tâm hạn lượng cũng vượt pháp Tam-muội-da, việc làm trong ba cõi thuận theo danh lợi thế gian, không vì việc lớn nhân duyên, cũng vượt pháp Tam-muội-da, buông lung biếng nhác, không giật tỉnh tâm mình, cũng vượt pháp Tam-muội-da, do vượt Tam-muội-da cho nên có các chướng sinh ra, người và mình đều tổn hại không có ý nghĩa, lợi ích, vì thế các Bồ-tát... vâng giữ Tam-muội-da này như giữ thân mạng, không dám trái vượt.

Kinh chép: Bấy giờ, Bạc-già-phạm lại nói pháp giới sinh chân ngôn, khi Đức Thế-tôn tiến nhập vào pháp giới thai tạng Tam-muội; thì thấy tất cả chúng sinh đều có hạt giống Bồ-đề đồng với các Đức Phật, cho nên nói nhập Phật Tam-muội-da trì minh, nhờ Trì Minh này được nhập giới bình đẳng của Phật, tức nghĩa là gá vào Thánh thai.

Bấy giờ, Đức Thế-tôn lại dùng Phổ nhãn quán xét tất cả chúng sinh thảy đều đầy đủ thai tạng sinh trong nhà Phật, bấy giờ vô tận trang nghiêm cũng lại bằng với Như lai. Sau khi xuất định này rồi, liền nói pháp giới sinh chân ngôn, lại dùng Phổ nhãn quán sát thấy tất cả chung sinh này sự nghiệp Kim Cang thành tựu đầy đủ, bấy giờ Vô tận trang nghiêm cũng lại bằng với Như lai, khi xuất định này rồi, liền nói Kim Cang Tát-đỏa Chân ngôn, do đó ba thứ này đều gọi là Tam-muội-da.

Lại nữa, do nhập Phật Tam-muội-da, ở trong thai tạng không bị chết non do pháp giới sinh, khi bắt đầu ra khỏi thai lìa các chướng ngại, do Kim Cang Tát-đỏa cho nên có thể chuyển gia nghiệp đầy đủ các kỹ nghệ, lại do nhập Phật Tam-muội-da gia trì mật ấn trong thai tạng, dùng

pháp giới sinh gia trì hai lớp quyến thuộc của Bồ-tát, dùng Kim Cang Tát-đỏa gia trì các hình tùy loại, nhập Phật Tam-muội-da như Hoa sen búp, Pháp Giới Sinh như hoa sen nở, Kim Cang Tát-đỏa như hoa sen thành tựu, trở lại làm hạt giống, do đó ba thứ này gọi là Tam-muội-da.

Nam mô tam mạn đa bột đà nẫm đạt ma đà đổ tát phạ bà phạ cú ngân.

Đạt-ma-đà-đỗ: nghĩa là pháp giới.

Tát-phạ-bà-phạ: Là tự tánh, cũng gọi là bản tánh.

Cú-ngân nghĩa là ngã.

Câu ấy nghĩa nói rằng ngã chính là tự tánh pháp giới, do Sư Tử Hồng Chắc chắn nói ngã (ta) và tất cả chúng sinh đều là tự tánh pháp giới, nghĩa là bình đẳng, ta sẽ lập ra các phương tiện, giúp tất cả chúng sinh thủy đều chứng biết nghĩa bản thệ này, do biết ngã là tự tánh pháp giới có công năng dứt trừ tất cả phân biệt, khai mở tri kiến thanh tịnh, đó nghĩa là trừ "Chướng", các Đức Phật chỉ mong nhớ giữ bản nguyện, giúp thân này của Ta liền đồng tự tánh pháp giới Tỳ-lô-giá-na, đó nghĩa là giật tỉnh, phải dùng tự môn giải thích rộng.

Nam ma tam mạn đa phạt chiết la xá phật chiết la đán ma cú ngân.

Câu đầu nói Kim Cang Tát-đỏa chân ngôn, do quy mạng tất cả Kim Cang, tức là từ vô lượng môn giúp trì Kim Cang Như lai, đều khiến nhờ giữ hộ môn.

Câu sau nói Phạt-chiết-la đán-ma-cú-ngân nghĩa là thân ta liền đồng Kim Cang, Kim cang tức là tự tánh pháp giới, do năng lực thành tựu rất vững chắc không thể phá hoại, môn khác nói là Kim Cang, Như lai dùng phổ nhãn quán trí thể Kim Cang của tất cả chúng sinh cùng ngài không khác, đó nghĩa là bình đẳng, vì chúng sinh khó tự hiểu biết, từ vô lượng Kim Cang trí môn, làm vô lượng sự nghiệp Kim Cang, cần phải bỏ dẹp chướng lớn như thế, giúp đến mé thật, đó nghĩa là bản thệ, mé thật như thế gọi là Vô cấu nhẫn Kim Cang Nhãn, tức nghĩa là trừ chướng, do tiếng Sư Tử rống này rúng động cả mười phương cõi Phật, đó nghĩa là giật tỉnh, vì thế gọi là Tam-muội-da.

Lại nữa, hành giả chân ngôn, dùng Tam-muội-da đầu tiên được thân bình đẳng có thân, miệng, ý bí mật đồng với Như lai, dùng Tam-muội-da thứ hai, được đồng thân Như lai gia trì pháp giới Cung tôn đặc, dùng Tam-muội-da thứ ba khiến hai thứ thân và cõi đều như Kim Cang cùng vô lượng chúng trì Kim Cang tự vây quanh.

Phật dạy: Tam-muội-da thứ hai là các Bồ-tát thành tựu thân pháp

tánh, Tam-muội-da thứ ba là nhiếp thọ, chiết phục chúng sinh tùy theo loại.

Phật dạy: Tam-muội-da thứ nhất là kiến lập Đại bi thai tạng Mạn-đồ-la. Tam-muội-da thứ hai là làm sự nghiệp A-xà-lê Tỳ-lô-giá-na. Tam-muội-da thứ nhất là gia trì quyến thuộc Như lai, Tam-muội-da thứ hai là gia trì quyến thuộc Liên Hoa, Tam-muội-da thứ ba là gia trì quyến thuộc Kim Cang, vì thế Phật dạy ba Tam-muội-da.

Lại nói Kim Cang khải chân ngôn: Là trang nghiêm thân Kim Cang Tát-đỏa, người tu hành đã phát thệ nguyện Kim Cang, muốn vì tất cả chúng sinh phá diệt các chướng, do vững mạnh tinh tấn, đắp mặc áo giáp đội mũ trụ Kim Cang, hơn nữa như sáu Ba-la-mật mỗi mỗi tướng như thật, đều như Kim Cang không thể phá hoại, lại trong mỗi một cõi đều có đủ năm cõi, vì thế quanh thể dày kín không có kẻ hở. Như sáu Độ, ba mươi bảy phẩm, mười tám không, một trăm lẻ tám Tam-muội, năm trăm Đà-la-ni... đều sẽ nói rộng.

Do đắp mặc áo giáp Kim Cang của Như lai, xoay lăn trong sáu đường, ra sinh vào tử, tất cả phiền não nghiệp không không thể tổn hại, nếu y theo giải thích cạn lược thì do người tu hành đem chân ngôn này tự gia trì, tất cả các trời, rồng... thấy giống như thân Kim Cang Tát-đỏa, khắp thân đều mặc áo giáp đội mũ trụ Kim Cang, bền kín không ranh giới ánh sáng như lửa lớn, do đó tất cả sự chướng ngại đều không thể tổn thương.

Nam ma tam mạn đa phạt chiết la xá phạt chiết la ca pha già hâm.

Phát-chiết-la: là Kim Cang, Ca-la-già là Như lai dùng Kim Cang nhãn thấy khắp chúng sinh, đều mặc áo giáp đội mũ trụ Kim Cang này, vì thế đem lời thành thật mà giảng nói, trước hết lấy chữ Phạ làm thể chân ngôn, Phạ nghĩa là các pháp lìa nói năng: Nếu chỗ Hành của nói rộng, thì đều có thể phá hoại, có thể xoay chuyển, không bền chắc, do đó lấy chữ Phạ làm thể.

Chữ kế đều chuyển giải thích vì sao các pháp lìa nói năng? Do sinh không thật có. Vì sao sinh không thật có? Do tự tánh thanh tịnh, tự tánh thanh tịnh chính là thân Kim Cang Tát-đỏa.

Kế là nói nghĩa Giáp, nếu pháp do tạo tác cho nên thành tựu thì phải biết chỉ có giả danh, từ duyên dời đổi, còn không thể tự giữ, bền chắc tánh của nói, huống chi có thể ngăn che được tên nhọn sáu trần ư? Nay quán thể Kim Cang vô tận trang nghiêm, thảy đều lìa các tạo tác, bách phi không thể xâm phạm, cho nên gọi là Kim Cang giáp trụ. Sau

cùng là chữ Hâm tức là âm thanh Vô sở úy, cũng là nghĩa năgn lực tự tại, nghĩa là hoan hỷ, do định tuệ đầy đủ khi chứng tự môn Ha này, tự biết sẽ phá hoại được các chướng giúp đỡ chúng sinh, do đó rất hoan hỷ.

Tiếp theo nói Chân ngôn Như lai Nhãn: Như chim Kim sí đầu đàn oai lực đầy đủ, lông cánh rắn chắc, lại được mắt rất, sáng, ở giữa không trung, nhìn biển lớn như thấy hình tượng trong gương thì tùy ý tự tại bắt được các rồng, phải biết người tu Chân ngôn cũng giống như vậy, do Tịnh Nhãn Như lai này tự gia trì, cho nên hải hội Mạn-đồ-la sẽ hiện ra trước, thấy đủ tất cả căn duyên và pháp ngăn đạo, nhờ Kim Cang sự nghiệp này tùy ý đều thành tựu, vì thế nói kế đó.

Nam ma tam mạn đa bột đà nẫm đát tha yết đa chướt ngật sô, vĩ dã phạ lộ ca dã tóa ha.

Trong nghĩa câu trên, Đát-tha-yết-đa-chướt-ngật-sô là Như lai Nhãn.

Kế nói Vĩ-dã-phạ-lộ-ca-dã nghĩa là quán, tức là nói dùng Như lai Nhãn quát sát.

Trước là chữ Đa làm thể, Đa nghĩa là các pháp Như như, do tất cả pháp vốn bất sinh thì như như này cũng không thật có, thế nên Như lai quán tất cả pháp rốt ráo không như, không khác, tuy không thể thấy nhưng cũng thấy rõ, như các Đức Phật quán mắt các chúng sinh cũng giống như vậy. Nếu hành giả khi nói lời chân thật này thì nhờ Phật nhãn gia trì không nghĩ bàn, dần dần được mắt thanh tịnh.

Tiếp tục có ở thứ Chân ngôn như Đồ hương... đều là chỗ cần thiết khi nhập Mạn-đồ-la tu cúng dường, sẽ nói ở trong phẩm này.

Nam ma tam mạn đa bột đà nẫm vi du đà kiện đỗ nạp bà phạ tóa ha.

Trong nghĩa câu trên, Vi-du-đà nghĩa là tịnh, Kiên Đỗ là hương, Nạp-bà-phạ nghĩa là phát sinh, nghĩa là tịnh hương phát sinh (Hương thơm phát sinh). Lấy chữ Vi ở đầu câu làm thể, ở trên chữ Phạ vẽ thêm chữ y, cho nên chuyển thành là Vi. Chữ Phạ nghĩa là Kim Cang, nghĩa lìa nói năng. Tam-muội nghĩa là trụ, như thế tịnh tuệ bằng nhau, tức là trụ ở trì giới Vô hý luận Chấp kim cang ba đời không chướng ngại, giới hương như thế, tánh kia không đến không đi mà thường khắp cả pháp giới, do đó gọi là Tịnh Đồ Hương, tất cả chúng sinh tuy đều cùng có, nhưng vì chưa phát tâm, cho nên hương này chưa phát, nay ta đã dùng giới hương này trùm khắp pháp thân, cho nên hương "tịnh" có thể huân khắp tất cả.

Kế là Hoa Chân Ngôn:

Nam ma tam mạn đa bột đà nẫm ma ha muội đán lý dã tỳ sưu nghiệt đế tóa ha.

Trong nghĩa câu trên, Ma-ha Muội-đát-lý-dã, nghĩa là Đại Từ; Tỳ-sưu-nghiệt-đế nghĩa là sinh, nghĩa là đại từ sinh, lấy chữ Muội làm thể Chân ngôn, tức là chữ Mãng vẽ thêm Tam-muội, cho nên chuyển thanh để gọi. Mãng nghĩa là tâm, nghĩa ngã, trói buộc không được lớn lên, nay tự chứng biết tướng thật của tâm, từ trong Từ Bi Tạng, tám cánh, các tua thứ lớp mở bày, vì thế nói từ Đại Bi sinh.

Lại nữa, hạt giống cây chúa tâm Bồ-đề thanh tịnh, từ trong đất Từ bi, sinh trưởng tốt tươi nở hoa muôn đức, nhờ phương tiện nên trở thành thật, do đó nói từ Đại bi sinh. Sẽ dùng Tự môn để giải thích rộng.

Kế đến là Chân ngôn thiêu hương:

Nam ma tam mạn đa bột đà đỗ nỗ nghiệt đế tóa ha.

Trong nghĩa câu trên, Đạt-ma-đà-đô nghĩa là pháp giới. Nỗ-nghiệt-đế nghĩa là theo đến, cũng là nghĩa khắp đến, cũng là nghĩa ra đi nghĩa tiến lên không dừng lại, dịch là đến khắp pháp giới, lấy chữ Đạt ở câu đầu làm thể, do chúng sinh giới vốn bất sinh, cho nên tướng chắc chắn của pháp giới cũng không thật có, pháp giới như thế sâu rộng không bờ mé, không thể đo lường, thân, miệng, ý nghiệp đều trùm khắp pháp giới như thế, dù chỉ cúng dường Phật một cành hoa, cũng khắp pháp dưới như thế, chính là nghĩa thiêu hương.

Tiếp theo là Chân ngôn ẩm thực:

Nam ma tam mạn đa bột đà nẫm a ra la ca tội mật lân nại ra nhị mạt lân nại nê ma ha mạt lý tóa ha.

Đầu tiên nói A-ra-ra nghĩa là tiếng không thích nghe, nghĩa là tiếng không tốt, như người nói lớn tiếng ồn ào, khiến người nghe tâm không thanh tịnh.

Tiếp theo nói Ca-la-la là dừng lại tiếng lớn không tốt ở trước, đó nghĩa là tự nhiên vắng lặng sự nhọc nhằn, trong đây chính là nghĩa lấy vui pháp thiền làm thức ăn, vì thế cho nên gởi gắm vào lời này. Nếu căn cứ vào tướng tự luân, A nghĩa là bản sơ, do có bản sơ này thì có hai thứ bụi nhơ, nghĩa là phiền não, vì tri chướng, do hai thứ bụi nhơ này, nên có tiếng nói rộng ồn ào. Nay do các pháp vốn bất sinh, nên hai thứ bụi nhơ cũng vốn bất sinh, chính là mở cửa cam lộ thành cơm Niết-bàn, do đó gọi là A-la-la.

Lại nữa, nếu người siêng tu muôn hạnh, mong được pháp vị như vậy. Vì tạo tác cho nên "nhị chướng" lại sinh, không phải sắc lực sống

lâu, vị cam lồ chân thật, nay lấy các pháp không tạo tác, vị nội chứng không từ người được như ăn cháo, thì không cần gì nữa, do đó nói dừng lại lời không tốt ở trước.

Mạt-lân-nại-na-nhị, thức ăn của người phương Tây, trên dâng cúng các Đức Phật, dưới đến thần quỷ gọi chúng là mạt-lễ. Lại nói Mạt-lân-nại-nê, ý này nói đã thọ thức ăn ta dâng cúng rồi, lại cho ta thức ăn ngon ngọt, như người ở thế gian đem món ăn ngon lành dâng cúng cầu ruộng phước, vì cầu đời này, đời sau thức ăn uống không thiếu thốn, vì thế nay đem thức ăn pháp vô tận, giúp thêm cho thế gian dâng cúng các tôn vị, sẽ lại cho ta ước nguyện, khiến thường đầy đủ vị bất tử bất sinh.

Tiếp theo nói: Ma-ha-mạt-lý, tức là ở trong các thức ăn thêm nhiều ngon ngọt, do đó mà giản lược câu trên, nói nay ta đã dâng cúng và đã ban cho chỗ cầu phúc đều là vị không gì sánh bằng, vị không gì hơn nữa, không phải cầu xin thức ăn có hạn lượng.

Tiếp theo là Đăng Minh Chân ngôn:

Nam ma tam mạn đa bột đà nẫm đát tha yết đa lỵ chỉ tát phả la minh a phạ bà sa na già già nhu đà lý đa tóa ha.

Trong nghĩa câu trên, Đát-tha-yết-đa là Như lai.

Lạt-chỉ: Là ánh sáng.

Sau nói Tát-phả-la-minh là rộng khắp.

A-phạ-bà-sa là các sự tối tăm.

Già-già-nhu-đà-lý-da là không có hạn lượng, sánh bằng hư không. Ý nói: Ánh sáng Như lai chiếu khắp các chỗ tối tăm, giống như hư không không có hạn lượng.

Chân ngôn này lấy chữ Đa ở câu đầu làm thể, như ở tướng thật của tâm, chính là trí rộng lớn, sáng suốt của Tỳ-lô-giá-na, chiếu khắp thế gian, không chỗ nào không khắp.

Nói Chư ám: tức là Vô Minh, do Vô Minh vốn bất sinh cho nên thể tức là Minh, vì thế ánh sáng Như lai chiếu khắp các chỗ tối tăm.

Nói sánh bằng hư không. Do Vô minh vốn bất sinh cho nên thể tức là Minh, cho nên ánh sáng Như lai chiếu khắp các chỗ tối tăm. Nói đồng hư không: Do Vô Minh sánh bằng hư không chẳng hạn lượng: Ánh sáng trí tuệ Như lai cũng sánh đồng hư không chẳng hạn lượng, cho đến già, chết cũng như hư không chẳng hạn lượng, ánh sáng trí tuệ của Như lai cũng giống như hư không chẳng hạn lượng, như mười hai nhân duyên, tất cả các pháp cũng giống như vậy, quyết định nghĩa như vậy, cho nên gọi là chân ngôn Đẳng Minh, dùng đẳng minh này gia trì

mà cúng dường Phật, chính là pháp cúng dường cao nhất trong các thứ cúng dường.

Kế là Chân ngôn át-già.

Nam ma tam mạn đa bột đà nẫm già già na sa na a sa ma sa ha.

Trong nghĩa câu trên, Già-già-na: Nghĩa là hư không.

Sa-ma nghĩa là Đẳng.

A-sa-ma nghĩa là Vô đẳng, nghĩa là Đẳng hư không vô đẳng.

Pháp thân Như lai, bản tính thanh tịnh cho nên không phân biệt, không có bờ mé, sánh đồng hư không, nhưng lại có vô lượng, vô biên công đức không thể suy nghĩ bàn luận, hư không kia, chẳng thể ví dụ, cho nên nói Vô Đẳng.

Lại nữa, A-sa-na nghĩa là Bất Đẳng, Bất Đẳng: tức là Nhị thừa. Nay đã sánh đồng hư không, lại sánh với Vô Đẳng này, do đó nói Đẳng hư không Vô Đẳng.

Lại chữ Già đầu tiên làm thể chân ngôn, trong chúng sinh giới, đến đi cũng không thật có, trong pháp giới, tướng đến đi cũng không thật có, vì Như lai, Như Khứ không thật có cho nên gọi là Đại Không, đem nước đại không tánh tịnh này, để tắm gội thân Vô Cấu, đó nghĩa là Chân ngôn át-già.

Tiếp theo ở dưới có bốn Chân ngôn, cũng là tướng của A-xà-lê trang nghiêm Mạn-đồ-la, vì thế trong phẩm này có nói.

Trước tiên là chân ngôn Như lai đảnh tướng.

Nam ma tam mạn đa bột đà nẫm già già na a nan đa tất phát la minh thâu (du) đà đạt ma nễ xà đa sa ha.

Nghĩa trong câu Già-già-na a-nan-đa là hư không vô lượng.

Tát-phát-la-minh là rộng khắp.

Tỳ-thân-đà-la thanh tịnh.

Đạt-ma-nễ-xa-đa nghĩa là pháp giới sinh. Ở đây nói đảnh tướng Như lai, giống như hư không vượt ngoài số lượng, thanh tịnh rộng khắp, phải biết đảnh tướng như thế, từ trong pháp giới thai tạng sinh ra, không phải từ trong thai tạng của cha mẹ ở thế gian sinh ra, Chân ngôn này cũng lấy chữ Già làm thể.

Nói kế tướng Như lai, không có tướng đến đi, đồng với hư không, như tất cả chúng sinh đem tướng đến đi để quán sát, vì thế cho nên khắp trong mười phương không thể thấy được bờ mé.

Nếu hành giả dùng tâm quyết định thì tự biết đảnh tướng của ta cũng giống như vậy, đó gọi là chân ngôn Phật đảnh. A-xà-lê khi tự làm Tỳ-lô-giá-na, mở búi tóc mà buộc lại, nếu người xuất gia nên nắm tay

phải lại thành quyền rồi đặt trên đảnh, sau đó nói chân ngôn này để gia trì thì tất cả các thiên thần... không thấy được đảnh tướng người ấy.

Tiếp theo là chân ngôn Như lai giáp:

Nam ma tam mạn đa bột đà nẫm phạt chiết ra nhập phạ la vi tát phổ ra hồng.

Trong nghĩa câu trên, Phạt-chiết-ra nhập-phạ-la: là ánh sáng Kim Cang.

Vi-tát-phổ-la: Nghĩa là rộng khắp.

Ở đây nói ánh sáng trí tuệ Kim Cang rộng khắp tất cả, có công năng xua tan ám chướng sinh tử, cũng có thể chiếu sáng vượt hơn, đó nghĩa là Như-la-già.

Chân ngôn này lấy chữ Hồng sau cùng làm thể, đầy đủ ba giải thoát môn nghĩa là trên chữ Nẫng có chấm không nghĩa là Đại không, tức là Không giải thoát môn, bản thể chữ Ha là lìa nhân duyên, tức là Vô tướng giải thoát môn, dưới có vẽ Tam-muội chữ ổ, do vốn bất sinh, nên chính là Vô Tác giải thoát Môn. Ba môn như thế, tất cả các chướng đều không thể xâm nhập, đem ánh sáng trí tuệ này trang nghiêm khắp thân, gọi là Như lai giáp. Xét Mật ấn, trong đó Kim Cang Tát-đỏa Viên quang chân ngôn, còn phải xét lại các bản Phạm khác.

Kế đến là Như lai viên quang chân ngôn:

Nam ma tam mạn đa bột đà nẫm nhập phạ la ma lý nễ đát tha nghiệt đa lật chỉ sa ha.

Trong nghĩa câu trên, Nhập-phạ-la nghĩa là ánh sáng. Ma-lý-nễ nghĩa là chuỗi, do ánh sáng thành vòng xoay tròn không dứt, vì thế gọi là Như lai Viên quang.

Câu tiếp theo nói: Đát-thu-nghiệt-đa-lật-chỉ: nghĩa là ánh sáng Như lai, đây là ánh sáng rõ ràng. Tiếng Phạm và ánh sáng của vòng lửa kia có tên gọi khác nhau, chính là dùng chữ lật-chỉ này làm thể chân ngôn, trên có thanh la, nghĩa là bụi nhơ, dưới thể chữ già nghĩa là dời đổi, do nhập tự môn A tức là vốn không bụi nhơ, cũng không dời đổi, tức là ánh sáng Như lai thường tịch, lại mang âm thanh Tam-muội chỗ y, nói ánh sáng thường tịch đây là định tuệ đầy đủ, vì thế cho nên tịch mà thường chiếu, chiếu mà thường tịch, A-xà-lê dùng đây gia trì thân, cho nên tất cả các thiên thần... vầng ánh sáng Như lai trùm khắp thể của họ, oai mãnh khó thấy, giống như vầng mặt trời, do đó các chướng ngại không được dịp làm hại.

Tiếp theo chân ngôn Như lai thiệt tướng.

Nam ma tam mạn đa bột đà nẫm ma ha a ma ha đát tha nghiệt đa

nhĩ ha pha tát để dã, đạt ma bát la để sất sĩ đa trà ha.

Trong nghĩa câu trên, Ma-ha A Ma-ha nghĩa Đại Vô Đại. Đát- tha-nghiệt-đa Nhĩ-ha-phạ nghĩa là lưỡi Như lai, tướng lưỡi này dài rộng trùm khắp tất cả cõi Phật, do đó gọi là Đại. Đại này không còn gì hơn nữa, không có đối đãi, tướng "đại" cũng không thật có, gọi là vô đại.

Kế là nói Tát-đế-dã là đế, Đạt-ma là pháp.

Bát-la-để-sắt-sĩ-đa là thành tựu, dịch là thành tựu pháp chắc thật. Như lai từ vô lượng kiếp đến nay thường tu đế ngữ chân thật, đắc "ngữ luân" bình đẳng này, thành tựu phát sinh đế chân thật, đã phát lời thành thật chắc chắn không quái lạ, do đó lấy chữ Đa ở sau cùng làm thể chân ngôn.

Nói Như lai đã nói lời nào, thường như tướng thật không lừa dối, không quái lạ. A-xà-lê dùng dây gia trì thân, chuyển giáo nói pháp đều như Kim Cang, cho đến dùng một âm thanh khắp các cõi Phật. Tất cả các Chân ngôn này, đều phải dùng tự môn để giải thích rộng.